

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**
Bản án số: 72/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26-01-2018
V/v “*Tranh chấp ly hôn*”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bền
2. Bà Dương Thị Thu Vân

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Phục, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Châu.

Ngày 26 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 581/2017/TB-TLVA ngày 16 tháng 10 năm 2017 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim Tr, sinh năm 1996

Địa chỉ: AB Phường A, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Võ Anh T, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp VT, xã VK, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(chị Tr có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản khai ngày 30 tháng 8 năm 2017 cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim Tr trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Võ Anh T tổ chức lễ cưới và tự nguyện chung sống từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VK, huyện CT,

tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T không quan tâm chăm sóc vợ con. Dù đã cố gắng tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, từ đó mất dần tình cảm vợ chồng. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 9/2015 đến nay. Nay, chị nhận thấy không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T chung sống có 01 con chung tên Võ Nguyễn Thiên N sinh ngày 25/7/2015. Hiện cháu N đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, chị Tr thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu N.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Võ Anh T: Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim Tr.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau:

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật, riêng bị đơn đã không tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn anh Võ Anh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày như sau: Chị Nguyễn Thị Kim Tr và anh Võ Anh T tổ chức lễ cưới và tự nguyện chung sống vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã VK, huyện CT, tỉnh

Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18 quyển số 01/2015 ngày 09/4/2015. Chị Tr và anh T chung sống có 01 con chung tên Võ Nguyễn Thiên N sinh ngày 25/7/2015, không có tài sản chung và nợ chung. Chị Tr và anh T chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh T không quan tâm chăm sóc vợ con, giữa hai người cũng bất đồng quan điểm sống. Chị Tr đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và sống ly thân với anh T từ tháng 9/2015 cho đến nay. Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bị đơn cũng không có ý kiến phản đối đối với ý kiến trình bày của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết nguyên đơn trình bày là sự thật.

[2.2] Xét yêu cầu của các đương sự:

[2.2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh T có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện chung sống với nhau và đã thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định, căn cứ vào các Điều 8 và 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kim Tr và anh Võ Anh T là hợp pháp. Xét thấy, giữa chị Tr và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, thời gian sống ly thân đã lâu. Mặc dù anh Võ Anh T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh T cũng không đến để tham gia hòa giải đoàn tụ. Chị Tr và anh T không còn tình nghĩa vợ chồng thương yêu, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc và giúp đỡ nhau theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tr.

[2.2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim Tr và anh Võ Anh T có con chung tên Võ Nguyễn Thiên N sinh ngày 25/7/2015, hiện cháu N do chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn. Xét thấy, từ trước đến nay, chị Tr là người trực tiếp chăm lo sinh hoạt, học tập cho cháu N và hiện cháu N chưa đủ 36 tháng tuổi. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt, học tập và phát triển bình thường của cháu N, yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị Tr là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Như nhận định trên, chị Nguyễn Thị Kim Tr là người trực tiếp nuôi con không yêu cầu anh Võ Anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận anh Võ Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị Kim Tr phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim Tr.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Kim Tr được ly hôn với anh Võ Anh T.

- Về con chung: Giao con chung tên Võ Nguyễn Thiên N sinh ngày 25/7/2015 cho chị Nguyễn Thị Kim Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Võ Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Võ Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim Tr phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị Kim Tr đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 26430 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, Tiền Giang nên xem như nộp xong án phí.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND HCT;
- THADS HCT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huỳnh Trúc